



Số: 01/BCTN/2025
No: 01/BCTN/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO/ANNUAL REPORT Thường niên năm/Year 2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: Công ty cổ phần sữa Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 0101218588
- Vốn điều lệ/Charter capital: 444.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 444.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ/Address: Km9 đường Bắc Thăng Long Nội Bài, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H Mê Linh, TP Hà Nội.
- Số điện thoại/Telephone: 0243 886 6567
- Số fax/Fax:
- Website: hanoimilk.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): HNM
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now): Thành lập năm 2001, niêm yết năm 2006.
- Các sự kiện khác/Other events:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Các tỉnh miền Bắc Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises). Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.
- Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty

liên kết/(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies). Không có.

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company:

- ✓ Phát triển và mở rộng hệ thống bán hàng theo mô hình chuyên nghiệp trên quy mô toàn quốc. Phần đầu trở thành doanh nghiệp có doanh thu hàng nghìn tỷ đồng.
- ✓ Đầu tư nâng cấp và mở rộng Nhà máy chế biến sữa Hanoimilk trở thành Nhà máy chế biến sữa hiện đại và chuyên nghiệp nhất phía Bắc với các dây chuyền máy móc tự động, hệ thống quản trị được cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn TPM của Nhật Bản, công suất 190 triệu lít sữa/năm để phục vụ bán hàng trong nước, xuất khẩu và gia công cho các đối tác trong nước và quốc tế.
- ✓ Thực hiện thành công Dự án trồng cỏ nuôi bò sữa tự nhiên tại xã Văn Khê và xã Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội để cung cấp nguồn sữa tươi tự nhiên chất lượng cao cho sản xuất Sữa chua ăn và phát triển dòng sản phẩm sữa tươi Organic.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.

- ✓ Tiếp tục đi theo Chiến lược cạnh tranh bằng chất lượng và vươn lên dẫn đầu về đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm mới với các trụ cột tăng trưởng chính gồm: (1) Sữa chua, (2) Sữa UHT và các sản phẩm từ sữa, (3) Sữa bột công thức.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

5. Các rủi ro/Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

Chiến tranh Nga – Ukraina, Chiến tranh Mỹ, Israel - Iran hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu, vận tải là những rủi ro lớn nhất của Công ty vào thời điểm hiện tại.

II. Tình hình hoạt động trong năm/Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp... /Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

Năm 2025, Công ty đạt các chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện
Doanh thu (có VAT)	1.000.000	803.431	80,3%
Lợi nhuận trước thuế	45.000	21.872	48,6%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	9.000	4.421	49,1%
Lợi nhuận sau thuế	36.000	17.451	48,5%
EPS (đồng/cổ phiếu)	811	393	48,5%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.

Năm 2025, Công ty hoàn thành 80,3% chỉ tiêu Doanh thu, tăng 2,9% so với năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 48,6% so với kế hoạch, chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- ✓ Do người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu nên buộc họ phải lựa chọn thông minh hơn, đây là cơ hội cho các sản phẩm có chất lượng cao, giá hợp lý của Hanoimilk có cơ hội được lựa chọn và bán được nhiều hơn.
- ✓ Chi phí tài chính của Công ty tăng do Công ty bắt đầu vay vốn ngân hàng phục vụ cho Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy giai đoạn 2 (2025-2027).
- ✓ Hệ thống bán hàng của Hanoimilk đã được chấn chỉnh, cải thiện, chính sách lương thưởng mới của công ty động viên, khích lệ anh em bán được nhiều hàng hơn, doanh số bình quân trên đầu nhân viên bán hàng tăng gần gấp đôi so với trước đây.
- ✓ Mặc dù vậy, do công ty chưa có nhiều tiền để đầu tư cho các chương trình PR và quảng cáo thương hiệu nhằm tạo lực kéo thúc đẩy doanh số bán hàng nên mặc dù doanh số có tăng nhưng chưa đạt quy mô đủ lớn để giảm tỷ lệ Chi phí /Doanh thu và vẫn chưa khai thác hết hiệu quả của hệ thống bán hàng theo mô hình chuyên nghiệp mà Công ty đã đầu tư nhiều năm nay.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

-Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

Họ và tên	Chức danh	Tóm tắt lý lịch
Vũ Thị Hương Thủy	Giám đốc điều hành	<ul style="list-style-type: none"> •Trình độ học vấn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm •Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tại Công ty cổ phần Sữa Hà Nội từ tháng 7/2005; -Từ tháng 2/2017 đến 12/2022: Giám đốc chuỗi cung ứng kiêm Trưởng phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm. - Từ tháng 01/2023 đến nay: Giám đốc điều hành. •Cổ phiếu đang sở hữu: 15.000 cổ phần HNM.
Ngô Kim Sơn	Giám đốc Nhà máy	<ul style="list-style-type: none"> •Trình độ học vấn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm •Quá trình học tập và công tác: <ul style="list-style-type: none"> -Công tác tại Công ty cổ phần Sữa Hà Nội từ tháng 8/2004; -Từ tháng 12/2014 đến nay: Giám đốc Nhà máy. •Cổ phiếu đang sở hữu: 1.400 cổ phần HNM.
Nguyễn Duy Lên	Giám đốc Chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> •Trình độ học vấn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm •Quá trình học tập và công tác: <ul style="list-style-type: none"> -Công tác tại Công ty cổ phần Sữa Hà Nội từ tháng 12/2004; -Từ tháng 06/2013 đến nay: Phó Giám đốc Nhà máy. •Cổ phiếu đang sở hữu: 30.350 cổ phần HNM.
Phạm Tùng Lâm	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> •Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh •Quá trình học tập và công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 6/2011 đến nay: Kế toán trưởng. •Cổ phiếu đang sở hữu: 425.000 cổ phần HNM.

- Những thay đổi trong ban điều hành/Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year). Không có.

-Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies. 440 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets. Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies). Không có.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	% tăng giảm/% change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	605.415.677.533	876.755.552.150	44,13%
Doanh thu thuần/Net revenue	714.397.885.666	734.089.397.261	2,76%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	32.111.782.057	17.892.106.578	-44,28%
Lợi nhuận khác/Other profits	5.371.133.066	3.979.619.928	-25,91%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	29.587.268.635	21.871.726.506	-41,65%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	38.288.606.430	17.451.165.549	-41,02%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial indicators:

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú /Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	2,95	1,32	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	0,71	0,82	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,21	0,46	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	0,27	0,86	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/Inventory turnover:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	2,21	2,09	
+ Vòng quay tổng tài sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,18	0,84	

(Net revenue/Average Total Assets)			
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Profitability		
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/Net revenue Ratio)	0,04	0,02
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/total capital Ratio)	0,06	0,04
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/Total assets Ratio)	0,05	0,02
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/Net revenue Ratio)	0,04	0,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries. 44.400.000 cổ phần. Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 44.400.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Hà Quang Tuấn	4.075.000	9,18%	14.075.000	31,70%
Hà Phương Thảo	10.000.000	22,52%		
Nguyễn Thị Mạc	8.614.700	19,40%	8.614.700	19,40%
Phùng Văn Chung	6.381.100	14,37%	6.381.100	14,37%
Các cổ đông khác	15.329.200	34,53%	15.329.200	34,53%
Tổng	444.000.000	100,00%	444.000.000	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

Năm 2001: Công ty thành lập ngày 02/11/2001. Vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

Năm 2006: Tăng VDL từ 50 tỷ lên 70,5 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2007: Tăng VDL từ 70,5 tỷ lên 100 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2009: Tăng VDL từ 100 tỷ lên 125 tỷ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2014: Tăng VDL từ 125 tỷ lên 200 tỷ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2023: Tăng VDL từ 200 tỷ lên 444 tỷ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ và hoán đổi nợ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*. Không có.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues*. Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission*. Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*.

Giấy rút: 171.003.076 Hộp; Thùng carton: 4.200.474 Thùng

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*. Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly*.

Số điện năng tiêu thụ: 4.676.100 kW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy*. Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*. Không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used*.

Nguồn nước cung cấp là nước tự khai thác dưới đất. Mức nước tiêu thụ: 149.561 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused*. Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection*:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/Number of employees, average wages of workers. Số lượng lao động: 440 người. Mức lương trung bình đối với người lao động: 13.000.000 VNĐ/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.

Đối tượng nhóm quản lý số giờ đào tạo: 8 giờ; Đối tượng công nhân kỹ thuật: 16 giờ; Đối tượng công nhân phổ thông: 8 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development. Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service. Không có

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC. Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	KH 2025	So với 2024	So với KH
- Doanh thu bán hàng	803.431	780.771	1.000.000	102,9%	80,3%
- Giá vốn hàng bán	611.405	601.944	750.000	101,6%	81,5%
- Lợi nhuận gộp về bán hàng	192.026	178.828	250.000	107,4%	76,8%
- Chi phí tài chính	10.390	6.579	20.000	191,1%	51,9%
- Chi phí quản lý DN	17.747	8.633	15.000	205,6%	118,3%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	KH 2025	So với 2024	So với KH
- Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	21.872	37.483	45.000	73,9%	48,6%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Doanh số bán hàng năm 2025 đã tăng 2,9% so với năm 2024.

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Tài sản được khai thác tương đối hiệu quả, công ty vẫn đang trong giai đoạn trên khai đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2025-2027.

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Hanoimilk có các khoản nợ vay ngắn hạn là 120 tỷ đồng và khoản vay trung dài hạn là 115 tỷ đồng do Vietinbank – CN Lạng Sơn tài trợ.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Mặc dù nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu nhập từ các nhà cung cấp trong nước nhưng các nhà cung cấp chủ yếu là phân phối lại các nguyên vật liệu nhập từ nước ngoài nên khi tỷ giá hối đoái biến động cũng tác động ngược đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nếu tỷ giá biến động tăng 1% thì chi phí sản xuất của Công ty biến động tăng tương ứng khoảng 0,3%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.* Không có.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

- ✓ Tiếp tục duy trì và tổ chức thực hiện tốt chính sách chất lượng trong suốt quá trình từ sản xuất, vận chuyển đến phân phối bán hàng trong năm 2026.
- ✓ Thực hiện Chương trình khuyến mại mùa hè từ tháng 5 đến tháng 7/2026 để gia tăng doanh số bán hàng trong nước.
- ✓ Tiếp tục thực hiện đầu tư mua sắm máy móc thiết bị hiện đại để tự động hóa, nâng cao công nghệ sản xuất, tăng công suất Nhà máy chế biến Sữa chua ăn và Sữa tiết trùng UHT.
- ✓ Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư Dự án trồng cỏ chăn nuôi bò sữa Tự nhiên tại Mê Linh, phấn đấu hoàn thành công tác hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng trong Quý III/2026 và Quý I/2027. Trồng cỏ và chăn nuôi bò sữa trong năm 2027.
- ✓ Tiếp tục chấn chỉnh và ổn định hệ thống bán hàng, rà soát tổ chức bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao thu nhập cho cán bộ nhân viên.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).* (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*. Các chỉ tiêu môi trường của công ty đều trong mức quy định cho phép.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*. Công ty đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, không nợ lương; hoạt động thăm hỏi, trợ cấp khi ốm đau, thai sản, hiếu hỷ đầy đủ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community* Công ty hưởng ứng đầy đủ các hoạt động chung tại thị trấn Quang Minh nói riêng và xã Quang Minh nói chung như từ thiện, thể dục thể thao v.v.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities*.

Nhìn chung, năm 2025 là một năm thành công của Hanoimilk khi công ty đã hoàn thành 80% kế hoạch về doanh thu cũng như tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội trên địa bàn xã Quang Minh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*.

Ban giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, tuân thủ các định hướng mà Hội đồng quản trị đề ra và đạt được chỉ tiêu về doanh thu tuy nhiên chưa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã phê duyệt do hoạt động giá công bị sụt giảm mạnh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- ✓ Tiếp tục đi theo Chiến lược cạnh tranh bằng chất lượng và vươn lên dẫn đầu về đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm mới với các trụ cột tăng trưởng chính gồm: (1) Sữa chua, (2) Sữa UHT và các sản phẩm từ sữa, (3) Sữa bột công thức.
- ✓ Tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống bán hàng theo mô hình chuyên nghiệp lên quy mô toàn quốc. Đầu tư ngân sách hợp lý cho Marketing, PR và quảng cáo để từng bước đưa thương hiệu Hanoimilk (Master Brand) cùng với các thương hiệu con IZZI, Yotuti, Dinomilk, Choco Oat, Yoha, Yoboost ... hiện diện mạnh mẽ trên thị trường nhằm đẩy mạnh doanh số bán hàng.
- ✓ Tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng Nhà máy chế biến sữa Hanoimilk trở thành Nhà máy chế biến sữa hiện đại và chuyên nghiệp nhất phía Bắc với các dây chuyền máy móc tự động, hệ thống quản trị được cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn TPM của Nhật Bản, công suất 190 triệu lít sữa/năm để phục vụ bán hàng trong nước, xuất khẩu và gia công cho các đối tác trong nước và quốc tế.
- ✓ Quyết tâm thực hiện thành công Dự án trồng cỏ nuôi bò sữa tự nhiên tại xã Văn Khê và xã Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội để cung cấp nguồn sữa tươi tự nhiên chất lượng cao cho sản xuất Sữa chua ăn và phát triển dòng sản phẩm sữa tươi Organic.
- ✓ Đầu tư, ứng dụng công nghệ số và AI vào sản xuất, kinh doanh và quản trị Công ty.
- ✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi: Cam kết – Đoàn kết – Kỷ luật và Sáng tạo.
- ✓ Tiếp tục triển khai thực hiện tái cấu trúc tài chính, phát hành cổ phiếu riêng lẻ cổ phiếu huy động vốn và cổ phiếu hoán đổi nợ để xử lý nợ và tăng quy mô vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, tạo điều kiện thuận lợi và ưu đãi cho các Doanh nghiệp lớn, các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân tham gia đầu tư, sở hữu và quản lý, điều hành Công ty (không giới hạn tỷ lệ cổ phần nắm giữ của nhà đầu tư).

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/*(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies)*).

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	
Hà Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9,178%	
Ngô Kim Sơn	Ủy viên HĐQT	0,003%	
Nguyễn Duy Lân	Ủy viên HĐQT	0,068%	
Vũ Thị Hương Thủy	Ủy viên HĐQT	0,034%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*). Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 12 phiên chính thức và thường xuyên hội ý để tập trung vào các hoạt động sau:

- ✓ Phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- ✓ Phê duyệt và chỉ đạo việc thực hiện đầu tư các Dự án.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*). Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia 3/12 cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*. Không có.

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đào Bích Thủy	Trưởng ban	0	
Nguyễn Thị Hải Lý	Thành viên	0	
Phan Văn Nam	Thành viên	18.000	0,041%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors/Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Ban kiểm soát đã họp 4 cuộc họp nội bộ và tham dự các cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát theo các mục tiêu và phạm vi kiểm soát trọng yếu trong năm 2025 gồm:

- ✓ Kiểm soát chiến lược: Xem xét việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2025, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư, sử dụng các tài sản lớn, xử lý các tồn tại và dự án dở dang từ năm trước theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Chiến lược Công ty đã được phê duyệt.
- ✓ Kiểm soát hoạt động: Đánh giá việc tổ chức triển khai các chương trình và sự kiện lớn, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, và việc tổ chức cơ cấu quản trị, xây dựng hệ thống nhằm củng cố năng lực nhân sự, hệ điều hành để duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Kiểm soát Tài chính: Kiểm tra các báo cáo tài chính theo định kỳ để đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phối kết hợp trao đổi làm việc cùng bộ phận Tài chính – Kế toán nhằm xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác lập báo cáo tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

Họ và tên	Tiền lương	Phụ cấp HĐQT, BKS
Ông Hà Quang Tuấn		480.000.000
Bà Vũ Thị Hương Thủy	1.218.468.000	60.000.000
Ông Ngô Kim Sơn	639.674.000	60.000.000
Nguyễn Duy Lân	440.626.000	60.000.000
Lê Huy Phúc		20.000.000
Đào Bích Thủy		36.000.000
Nguyễn Thị Hải Lý		24.000.000
Phan Văn Nam		24.000.000
Tổng	2.298.768.000	764.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*). Ông Hà Quang Tuấn đã chuyển nhượng 10.000.000 cổ phần cho con gái là bà Hà Phương Thảo.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

Công ty có ký hợp đồng mua bán sữa và Hợp đồng dịch vụ vận tải với Công ty cổ phần Hoàng Mai Xanh – Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*). Công ty chưa có các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị, Công ty sẽ thành lập dần trong tương lai khi điều kiện ngân sách cho phép.

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*). Báo cáo được đăng trên website của Công ty: <https://hanoimilk.com>

Nơi nhận:

Recipients:

- SGD Chứng khoán Hà Nội
- Lưu: VT,...
- Archived:....

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



CHỦ TỊCH HĐQT
Hà Quang Tuấn